TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31/3/2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Phong;

2. Bà Nguyễn Thị Lợi;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Huynh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 102/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ X**, sinh năm: 1980; nơi cư trú: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Lê Hồng V**, sinh năm: 1976; nơi cư trú: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà X có mặt, ông V có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2021 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Mỹ X trình bày: Bà và ông V tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn số 01 ngày 27/02/2006 tại Ủy ban nhân

dân xã Q, huyện A, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2020 ông V ham mê cờ bạc dẫn đến tiêu tan tài sản gia đình, bà nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông V vẫn không thay đổi nên xảy ra mâu thuẫn và thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn kéo dài đến tháng 7 năm 2020, bà bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống, bà và ông V ly thân từ thời gian này đến nay. Trong thời gian ly thân gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Nay, bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Vũ Đình K, sinh ngày 08/02/2006. Từ khi ly thân đến nay, con chung sống với bài. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ông Lê Hồng V trình bày: Ông và bà X có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, ông thừa nhận có chơi cờ bạc nhưng ông đã không còn chơi từ năm 2021 đến nay. Bà X bỏ đi từ tháng 7/2020. Sau đó ông và bà X có quay lại chung, một tháng ông về sống với bà X được vài ngày do ông làm thuê tại công ty tại tỉnh Bình Dương. Đến ngày 28, 29 tháng 12 âm lịch năm 2020, ông đưa tiền cho bà X cúng ông bà vào ngày tết. Ngày mùng 8 tết 2021, ông và bà X có cãi nhau về chuyện tiền bạc do ông mượn bà X 500.000 đồng để đi xe về Bình Dương nhưng bà X không cho. Ông và bà X không còn sống chung từ thời gian này đến nay. Trong thời gian ly thân, gia đình ông có lên găp gia đình bà X hàn gắn nhưng không thành. Nay, ông còn thương vợ con nên ông xin đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Vũ Đình K, sinh ngày 08/02/2006. Con chung hiện nay đang sống với bà X. Nếu Tòa án cho ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: ông và bà X có tạo được phần đất vào năm 2014, 2015 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ có giấy tay mua bán của công ty Tân Đức M. Đất tọa lạc tại ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang. Hiện nay phần đất này do bà X quản lý, ông yêu cầu chia đôi phần đất này.

Về nợ chung: Hiện nay ông có nợ nhưng ông sẽ tự trả, ông không yêu cầu bà X trả và không yêu cầu giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Yến L vào ngày 22/11/2021, bà L trình bày: Bà là em ruột của bà X. Thời gian đầu chung sống, ông V chăm sóc vợ con nhưng thời gian gần đây ông V ham mê cờ bạc không chăm lo cuộc sống gia đình. Theo bà thì tình cảm giữa bà X và ông V không thể hàn gắn.

Tại phiên tòa, bà X bảo lưu ý kiến.

Ông V trình bày: Ông không đồng ý ly hôn với bà X, ông yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Ông thừa nhận bán dàn máy 105.000.000 đồng. Số tiền này đem trả nợ còn hơn 30.000.000 đồng đem đi chơi hết. Về tài sản chung giữa ông và bà X có sổ bảo hiểm thất nghiệp, sổ bảo hiểm xã hội do bà X giữ, có phần đất mua trong thời kỳ hôn nhân. Ông yêu cầu chia đôi tài sản chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn về hôn nhân và con chung có căn cứ nên đề nghị chấp nhận. Đối với tài sản chung ông V yêu cầu chia đôi nhưng ông V không có căn cứ chứng minh do đó không xem xét giải quyết. Nếu sau này ông V chứng minh về tài sản chung thì sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mỹ X khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Hồng V. Đồng thời, ông V cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà X, ông V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà X xin ly hôn với ông V, Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân giữa bà X, ông V đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Ông V không đồng ý ly hôn ly hôn với bà X, ông V cho rằng còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn nhưng ông V không có thiện chí hàn gắn với bà X. Lời trình bày của bà X phù hợp với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Yến L.

Xét thấy mâu thuẫn của bà X, ông V không thể hàn gắn. Bà X kiên quyết ly hôn, ông V thì không đồng ý nhưng dựa theo lời trình bày của bà X, ông V, bà L thì có thể xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa bà X, ông V thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp

nhận ly hôn theo yêu cầu của bà X theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung Lê Vũ Đình K, sinh ngày 08/02/2006. Con chung hiện nay đang sống với bà X. Bà X và ông V đều yêu cầu nuôi con chung. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay, cháu K đang sống với bà X, cháu K cũng có nguyện vọng tiếp tục sống với bà X. Do đó, để tránh xáo trộn về mặt tâm lý đối với con chung và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên nên Hội đồng xétt xử chấp nhận cho bà X tiếp tục nuôi cháu K là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Bà X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà X.

[5] Về tài sản chung: Bà X khai không có, không yêu cầu giải quyết

Ông V xác định ông và bà X có tạo lập phần đất vào năm 2014, 2015 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ có giấy tay mua bán của công ty Tân Đức Mạnh, đất tọa lạc ấp Đồng K, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang và có sổ bảo hiểm thất nghiệp, sổ bảo hiểm xã hội. Tất cả tài sản này do bà X giữ. Ông yêu cầu chia đôi.

Xét thấy, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án ngày 03/11/2021, ông V đã nhận thông báo này, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận thông báo thụ lý, ông V không có chứng cứ chứng minh về việc tài sản chung giữa ông và bà X, ông V không làm đơn yêu cầu chia tài sản chung và ông V chưa đóng tiền tạm ứng án phí về chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Nếu sau này, ông có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một kiện khác.

Về nợ chung: Bà X và ông V không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà X là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 8, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ X.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ X được ly hôn với ông Lê Hồng V.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01 ngày 27/02/2006 của Ủy ban nhân dân xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ X được tiếp tục nuôi con chung Lê Vũ Đình K, sinh ngày 08/02/2006. Công nhận sự tự nguyện của bà X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà X cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà X phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006583 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Bà X nộp đủ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/3/2023), bà X, ông V được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh AG (1);*
- *VKS tỉnh AG (1);*
- *VKS huyện A (2);*
- *THADS huyện A (1);*
- *UBND xã Q(1);*
- *Các đương sự (2);*
- *Lưu VP (1);*
- *Lưu HS (1).*

Mai Việt Quốc